

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH NĂM 2022

TỈNH HUNG YÊN

1. Giới thiệu POBI 2022

2. Kết quả khảo sát POBI 2022 tỉnh Hưng Yên

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH HUNG YÊN NĂM 2022			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2022)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 31	8/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 38	XẾP HẠNG 40
ĐIỂM XẾP HẠNG 75,92	6 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 33,33	ĐIỂM XẾP HẠNG 31,25
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	1 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Hưng Yên đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Hưng Yên đạt **75,92** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **31** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 4 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Hưng Yên phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy	Điểm POBI 2022 quy đổi
-----	-----------------------	---------------------------

	đôi ¹	
A. Trụ cột sự tham gia	200	2,82
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	250	3,52
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2022	5390	75,92
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1166	16,42
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	949	13,37
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022	375	5,28
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1400	19,72
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023	100	1,41
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	600	8,45
2. Tính kịp thời	475	6,69
3. Tính thuận tiện	700	9,86
4. Tính đầy đủ	2982	42,00
5. Tính tin cậy	333	4,69
6. Tính liên tục	300	4,23

¹ Đã tính trọng số

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính và UBND tỉnh Hưng Yên, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính thành phố có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.
- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Hưng Yên không có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.
- Định dạng của tài liệu: Các tài liệu đều được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên đã công khai 08/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Kế hoạch Đầu tư công năm 2023.
- 03 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2023, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023 và Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số 07 tài liệu ngân sách được công khai, có 06 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 06 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm

2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2022, Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- 01 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: có kèm thuyết minh, phản ánh 12/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Thiếu biểu 39. Báo cáo có giải thích về ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể của địa phương tuy nhiên không kèm theo số liệu thuyết minh, và có ưu tiên chi ngân sách cho y tế hay an sinh xã hội/trợ cấp xã hội nhưng không kèm số liệu thuyết minh.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: phản ánh 12/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Thiếu biểu 52.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: có kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và so sánh tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: có kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và so sánh tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: có kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và so sánh tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: có kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và so sánh tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: có kèm thuyết minh, phản ánh 07/07 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 105%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 55%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 15%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 56%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là -1,5%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 24,5% (tăng 24,5%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 5,9%).
- Thay đổi giữa dự toán năm 2022 và dự toán năm 2023 của chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo là -7,4% (giảm 7,4%). Thay đổi này là không phù hợp. Mức thay đổi này giảm cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (tăng 0,2%).
- Thay đổi giữa dự toán năm 2022 và dự toán năm 2023 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 11,2% (tăng 11,2%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (tăng 0,2%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai trong 05 năm liên tiếp: 2019, 2020, 2021, 2022, 2023. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai trong 05 năm liên tiếp: 2017, 2018, 2019, 2020, 2021.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 của tỉnh, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020, 2021 của tỉnh, Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên có email và có thể sử dụng được. Tuy vậy, không có phản hồi.
- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND
- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh 2022 và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh Hưng Yên không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (kỳ họp tháng 12/2022), Kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, và báo cáo giám sát về ngân sách.
- HĐND tỉnh Hưng Yên không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp tuy nhiên và có lịch sử hoạt động.